TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1035**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2023
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Tý
2. Bà Bùi Diệu Huệ

- Thư ký phiên tòa: ông Võ Minh Tiện - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thu Thương Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 401/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 190/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Đỗ Minh H**, sinh năm 1981
Địa chỉ: 2 M, khu phố F, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: 103/16/9 C phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: ông **Võ Quốc T**, sinh năm 1987
Địa chỉ: ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Tạm trú: 103/16/9 C phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải thì nguyên đơn Đỗ Minh H trình bày: bà và ELD BI_DON ông Võ Quốc T 201, có Giấy chứng nhận kết hôn số 112//2019 do Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/6/2019.

Vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T và gia đình bà không hòa thuận dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, ông T thường xuyên la mắng, sỉ nhục và đánh đập bà gây thương tích. Ngoài ra ông T còn nghiện ma túy và thường xuyên đánh bà gây ra nỗi đau thể xác và tinh thần cho bà, vợ chồng không thể hòa hợp chung sống với nhau và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: bà H và ông T có 01 con chung tên Võ Quỳnh Trúc L, sinh ngày 15/7/2019, bà yêu cầuàHa được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: không có.

Bị đơn Võ Quốc T trình bày: ông và bà Đỗ Minh H kết hôn vào năm 201, có Giấy chứng nhận kết hôn số 112//2019 do Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/6/2019.Vợ chồng mâu thuẫn là do bên gia đình vợ là người miền B, ông là người miền N nên tính cách có khác nhau, vợ thích buôn bán nên dở việc nhà, bản thân ông nóng tính nên có đánh vợ, ông cũng đã xin lỗi, ông không đồng ý ly hôn yêu cầu tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ để cùng lo cho con.

Về con chung: ông và bà H có 01 con chung tên Võ Quỳnh Trúc L, sinh ngày 15/7/2019. Tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bị đơn và được nuôi con.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: bà H và ông T chung sống có đăng ký kết hôn nên hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không hòa hợp. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và trực tiếp nhận văn bản nhưng vắng mặt tại các phiên tòa, chứng tỏ mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì yêu cầu của bà H xin ly với ông T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: bà H và ông T có 01 con chung tên Võ Quỳnh Trúc L, sinh ngày 15/7/2019, hiện đang sống cùng với bà H, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu của bà H được trực tiếp nuôi con là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Bị đơn cư trú tại quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh và thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 112//2019 do Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/6/2019xác định hôn nhân của bà Đỗ Minh H và ông Võ Quốc T hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do ông T và gia đình bà H mâu thuẫn nên vợ chồng thường hay cãi vã không còn hòa thuận, ông T thường xuyên mắng chửi, sỉ nhục gây thương tích cho bà H. Ngoài ra ông T còn sử dụng và nghiện ma túy, bà H nhiều lần khuyên căn nhưng ông T không thay đổi mà còn đánh đập gây thương tích nặng nề cho bà H, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian từ năm 2019 đến nay. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T. Xét yêu cầu của bà H là có cơ sở bởi lẽ, theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*. Hành vi đánh đập bà H của ông T là hành vi bạo lực gia đình xảy ra thường xuyên trong một thời gian dài làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của bà H. Ngoài ra, ông T còn sử dụng và nghiện ma túy làm cho cuộc sống của bà H và con không được an toàn.

Ông T không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ nhưng ông đã cố tình vắng mặt không đến Tòa án để tham gia phiên tòa, hàn gắn hạnh phúc gia đình mặc dù thực tế ông T cư trú tại địa phương và đã được tòa án triệu tập hợp lệ, như vậy ông T đã từ bỏ quyền lợi của mình, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì yêu cầu xin ly hôn của bà H có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: hai bên đương sự khai có 01 con chung tên Võ Quỳnh Trúc L, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2019 hiện đang sống cùng bà H, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà H là tự nguyện phù hợp với lợi ích về mọi mặt của con, phù hợp với pháp luật nên Tòa án chấp nhận, giao con chung cho bà H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: hai bên đương sự khai không có nên không xem xét.

[4] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: bà Đỗ Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Minh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Đỗ Minh H được ly hôn với ông Võ Quốc T. Giấy chứng nhận kết hôn số 112//2019 do Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/6/2019không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà H và ông T có 01 con chung tên Võ Quỳnh Trúc L, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2019, giao con chung cho bà Đỗ Minh H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: đương sự khai không có nên không xem xét.

4. Về án phí: bà Đỗ Minh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0011049 ngày 30/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q. Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q. Bình Tân;
- UBND nơi cấp GCN kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Ba